

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: [202204/NCOM/NHTM/NGOCTHOM/129]

Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa (“Hợp Đồng”) này được lập vào ngày 12 tháng 04 năm 2022 bởi và giữa Các Bên sau đây:

1. BÊN MUA:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NOVA COMMERCE

Mã số doanh nghiệp: 0317095018

Địa chỉ: 65 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại liên hệ: 0938485358

Người đại diện: Bà Võ Thị Thiên Nga Chức vụ: Tổng Giám Đốc

(Sau đây gọi là “Bên A”);

Và

2. BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

3. Mã số doanh nghiệp: 0309391503

Địa chỉ trụ sở: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: 207/25/3 Phạm Văn Hai, Phường 5, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ: 028 6290 6631 – 028 6290 6634

Người đại diện: Ông Đặng Xuân Ngọc Chức vụ: Giám Đốc

Theo Quyết định số 01/2022/QĐ ký ngày 05/01/2022

(Sau đây gọi là “Bên B”)

(Bên A, Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và được gọi chung là “Các Bên” tùy theo yêu cầu của ngữ cảnh.

XÉT RẰNG:

- Bên A và/hoặc công ty con/công ty thành viên/công ty liên kết/đơn vị trực thuộc/công ty đối tác của Bên A hoặc các công ty khác được chỉ định bởi Bên A (sau đây gọi chung là “Công Ty Được Chỉ Định”) có nhu cầu sử dụng thực phẩm/hàng hóa như nêu tại Điều 1.1 của Hợp Đồng để phục vụ cho nhu cầu hoạt động hợp pháp của Bên A và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác được Bên A chỉ định (“Hàng Hóa”). Bên A và Công Ty Được Chỉ Định sau đây gọi chung là Bên A;
- Bên B là doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực thương mại, cung cấp thực phẩm, có đủ năng lực pháp lý, chuyên môn, tài chính, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu của Bên A;
- Bên A, Công Ty Được Chỉ Định đồng ý mua Hàng Hóa của Bên B và Bên B đồng ý cung

cấp Hàng Hóa cho Bên A, Công Ty Được Chỉ Định theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

VÌ VẬY, NAY, Các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Các Bên thống nhất rằng, vào ngày [...] hàng tháng, Bên B sẽ gửi cho Bên A danh mục [...] chi tiết mà Bên B đang kinh doanh ("**Danh Mục Hàng Hóa**"). Để làm rõ, Danh Mục Hàng Hóa sẽ bao gồm nhưng không giới hạn chi tiết, đặc điểm, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, mã hàng, xuất xứ, giá cả, hạn sử dụng (nếu có), tiến độ giao nhận, thời hạn sử dụng, thời hạn áp dụng đơn giá của Hàng Hóa và được ký tên và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của Bên B.

Bên B bảo đảm và cam kết áp dụng Danh Mục Hàng Hóa với số lượng mặt hàng, giá cả quy định tại Điều 4.2 và tất cả các thông tin tại Danh Mục Hàng Hóa cho Bên A và tất cả các Công Ty Được Chỉ Định trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng này.

1.2. Phù hợp với các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này, khi Công Ty Được Chỉ Định phát sinh nhu cầu mua Hàng Hóa thì Bên A sẽ gửi văn bản thông báo cho Bên B theo mẫu thư chỉ định được quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Hợp Đồng này ("**Thư Chỉ Định**"). Thư Chỉ Định được xem là phần không tách rời của Hợp Đồng này và có giá trị ràng buộc đối với Các Bên, Công Ty Được Chỉ Định.

Các Bên thống nhất rằng các điều khoản được quy định tại Hợp Đồng này sẽ được áp dụng chung đối với Công Ty Được Chỉ Định.

1.3. Khi có nhu cầu mua Hàng Hóa, Bên A sẽ gửi đơn đặt hàng qua email ngocthom.po@gmail.com, thachnguyen0410@gmail.com cho Bên B dựa trên Danh Mục Hàng Hóa do Bên B gửi theo Điều 1.1. Đơn đặt hàng bao gồm nhưng không giới hạn chi tiết, đặc điểm, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, mã hàng, xuất xứ, giá cả, tiến độ giao nhận, địa điểm giao nhận, Người Đại Diện tiếp nhận ("**Đơn Đặt Hàng**"). Đơn Đặt Hàng được ký tên và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của Bên A hoặc được xác nhận bằng thư điện tử của Người Đại Diện Bên A gửi cho Bên B để thực hiện việc cung cấp Hàng Hóa. Đơn Đặt Hàng là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng. Đối với các nội dung không được quy định và/hoặc không có thỏa thuận ưu tiên áp dụng trong Đơn Đặt Hàng, Các Bên sẽ thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng này.

1.4. Trong trường hợp, Đơn Đặt Hàng đã được Bên A gửi theo hình thức phù hợp với quy định tại Điều 13 của Hợp Đồng nếu Bên B không phản hồi/xác nhận lại cho Bên A trong thời hạn 1 ngày kể từ ngày Bên A gửi Đơn Đặt Hàng thì Các Bên thống nhất rằng Bên B đã chấp nhận toàn bộ các thông tin, đơn giá, tiến độ giao hàng theo quy định tại Đơn Đặt Hàng.

1.5. Việc cung cấp Hàng Hóa cho Bên A theo Hợp Đồng này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 2. CHẤT LƯỢNG, QUY CÁCH HÀNG HÓA

- 2.1. Các Bên thống nhất rằng, Hàng Hóa là hàng (tươi) mới 100%, trong điều kiện, tình trạng bảo quản tốt, được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đáp ứng đúng và đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng của pháp luật hiện hành và các yêu cầu của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn ở: nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, bao bì, ghi nhãn và các loại tem phụ (nếu có yêu cầu), các hồ sơ, giấy chứng nhận, giấy tờ, tài liệu cần thiết khác để Hàng Hóa được phép lưu hành (nếu có yêu cầu) và các yêu cầu khác của Bên A vào từng thời điểm ("**Tiêu Chuẩn Hàng Hóa**").
- 2.2. Hàng Hóa được Bên B giao cho Bên A phải đảm bảo thời hạn sử dụng ("**Thời Hạn Sử Dụng**") theo quy định sau đây:
- a) Đối với Hàng Hóa là thực phẩm công nghệ: Bên B phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của Hàng Hóa phải còn ít nhất bằng 70% thời hạn sử dụng được ghi trên nhãn Hàng Hóa.
 - b) Đối với Hàng Hóa là thực phẩm tươi sống: Bên B phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của Hàng Hóa so với thời hạn sử dụng ghi trên nhãn Hàng Hóa ít nhất bằng:
 - i. $\geq 60\%$ (sáu mươi phần trăm) đối với Hàng Hóa nhập khẩu.
 - ii. $\geq 70\%$ (bảy mươi phần trăm) đối với Hàng Hóa tươi sống còn lại.
 - iii. $\geq 80\%$ (tám mươi phần trăm) đối với Hàng Hóa tươi sống từ sữa và thịt chín.
 - iv. 100% (một trăm phần trăm) đối với Hàng Hóa là thịt gia cầm, gia súc, thủy sản, rau củ quả.
 - c) Đối với Hàng Hóa là phi thực phẩm: Bên B phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của Hàng Hóa phải còn ít nhất bằng 70% thời hạn sử dụng đối với hàng trong nước và 50% thời hạn sử dụng đối với hàng nhập khẩu được ghi trên nhãn Hàng Hóa.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

- 3.1. Thời gian giao Hàng Hóa sẽ được thể hiện tại Đơn Đặt Hàng.
- 3.2. Địa điểm giao hàng: Được thể hiện tại Đơn Đặt Hàng hoặc theo thông báo của Bên A trong trường hợp Bên A thay đổi địa điểm giao hàng tại Đơn Đặt Hàng. Việc sắp xếp Hàng Hóa khi bàn giao sẽ theo chỉ dẫn của Bên A. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giao hàng, bao gồm cả chi phí nhân lực, vận chuyển, bốc xếp sẽ do Bên B chịu.
- 3.3. Hàng Hóa khi giao tại địa điểm giao hàng, phải được đặt cách mặt đất tối thiểu 20 cm, tránh tiếp xúc trực tiếp với mặt đất.
- 3.4. Đối với mặt hàng liên quan đến việc kiểm soát nhiệt độ lúc nhận hàng tại siêu thị/ cửa hàng tuân thủ theo Quy định kiểm soát nhiệt độ đính kèm.
- 3.5. Bên B chỉ tiến hành giao Hàng Hóa cho người đại diện của Bên A [*Cho mục đích của quy định này, người đại diện là người có và xuất trình văn bản ủy quyền hoặc giấy giới thiệu hợp lệ do Bên A phát hành khi nhận bàn giao Hàng Hóa ("**Người Đại Diện**")*]. Nếu Bên

B vi phạm quy định này, Bên B sẽ chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiệt hại phát sinh mà Bên A gánh chịu.

- 3.6. Việc giao nhận Hàng Hóa sẽ được Các Bên lập thành văn bản hoặc dưới hình thức Phiếu giao hàng hóa (“**Biên Bản Giao Nhận**”). Biên Bản Giao Nhận phải ghi rõ, bao gồm nhưng không giới hạn, số lượng, điều kiện, tình trạng Hàng Hóa. Biên Bản Giao Nhận phải được xác nhận bởi đại diện hợp lệ của Các Bên.
- 3.7. Cho mục đích giao hàng, trước ít nhất [...] [giờ/ngày] kể từ [giờ/ngày] dự tính giao Hàng Hóa, Bên B sẽ gửi văn bản hoặc thư điện tử thông báo cho Bên A về việc giao hàng để Bên A chuẩn bị và tiếp nhận Hàng Hóa.
- 3.8. Tại thời điểm giao Hàng Hóa, Bên B có nghĩa vụ giao cho Người Đại Diện của Bên A đầy đủ các giấy tờ/tài liệu sau:
 - (a) Phiếu đặt hàng (PO) của Bên A
 - (b) Phiếu giao hàng có chữ ký và con dấu của Bên B (nếu có)
- 3.9. Kiểm tra về số lượng, chủng loại và quy cách Hàng Hóa: Tại thời điểm nhận bàn giao Hàng Hóa, Bên A có nghĩa vụ kiểm tra Hàng Hóa trước khi ký Biên Bản Giao Nhận. Trường hợp Bên A phát hiện Hàng Hóa được giao không phù hợp về một/các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn về quy cách/chủng loại/số lượng Hàng Hóa được quy định tại Hợp Đồng và/hoặc Thời Hạn Sử Dụng Hàng Hóa thì Bên A có quyền (mà không phải nghĩa vụ) từ chối nhận bàn giao Hàng Hóa đối với các mặt hàng không phù hợp (“**Hàng Hóa Không Phù Hợp**”). Đồng thời, Bên A chỉ ký nhận vào Biên Bản Giao Nhận đối với phần Hàng Hóa được giao phù hợp. Theo đó, Bên A có quyền:
 - (a) Yêu cầu Bên B bàn giao bổ sung/thay thế Hàng Hóa Không Phù Hợp;
 - (b) Không thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào liên quan đến việc bàn giao bổ sung và/hoặc thay thế Hàng Hóa Không Phù Hợp.

Để làm rõ, đối với Hàng Hóa Không Phù Hợp, Bên B có nghĩa vụ giao bổ sung/thay thế cho Bên A trong thời hạn 03 ngày kể từ thời điểm Bên A ký Biên Bản Giao Nhận đối với phần Hàng Hóa được giao phù hợp hoặc một thời hạn khác được Bên A chấp thuận.

3.10. Kiểm tra về chất lượng Hàng Hóa:

Không phụ thuộc vào kết quả kiểm định Hàng Hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A, trong trường hợp có nghi ngờ về chất lượng Hàng Hóa (không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật/chất bảo quản/hóa chất độc hại khác...) hoặc trong bất kỳ trường hợp nào khác mà Bên A xét thấy cần thiết nhưng không thể kiểm tra bằng các phương pháp bình thường ngay khi giao nhận, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thể hiện trên Biên Bản Giao Nhận, Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thuê bất kỳ đơn vị thứ ba có chức năng phù hợp để thực hiện kiểm định về chất lượng Hàng Hóa. Trong trường hợp, kết quả kiểm định thể hiện Hàng Hóa đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng Hàng Hóa theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc các quy định của pháp luật, chi phí

kiểm định sẽ do Bên A chi trả. Nếu kết quả kiểm định thể hiện Hàng Hóa không đạt chất lượng theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc các quy định của pháp luật, Bên B có nghĩa vụ:

- (a) Thanh toán phí kiểm định phát sinh;
- (b) Bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên A (nếu có) do Hàng Hóa do Bên B cung cấp gây ra;
- (c) Giao bổ sung/thay thế Hàng Hóa không đạt chất lượng cho Bên A theo thời hạn do Bên A yêu cầu hoặc khấu trừ toàn bộ giá trị của Hàng Hóa không đạt chất lượng (nếu Bên A không có nhu cầu giao bổ sung/thay thế); và
- (d) Chịu toàn bộ các khoản chi phí phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn chi phí vận chuyển, thu hồi/giao bổ sung/thay thế Hàng Hóa.

3.11. Đổi trả Hàng Hóa theo yêu cầu của Bên A

- a) Hàng Hóa gần hết hạn sử dụng (thời hạn sử dụng còn tối thiểu 3 ngày), Bên B có trách nhiệm thay thế hoặc thu hồi lại cho Bên A.
- b) Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, Bên A có quyền yêu cầu Bên B nhận lại Hàng Hóa trong trường hợp Hàng Hóa không thể hoặc chậm tiêu thụ/phân phối lại trên hệ thống của Bên A trong vòng 6 tháng.
- c) Hàng Hóa sẽ được đổi trả tại kho hoặc bất kỳ địa điểm nào do Bên A chỉ định trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản/email từ Bên A. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc nhận lại Hàng Hóa thì Bên A có quyền thực hiện thủ tục trả Hàng Hóa. Mọi chi phí phát sinh từ việc Bên B từ chối hoặc chậm nhận lại Hàng Hóa sẽ do Bên B gánh chịu và Bên A có quyền cản trở khoản chi phí phát sinh này vào bất kỳ số tiền nào mà Bên A có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bên B theo quy định tại Hợp Đồng.
- d) Thủ tục nhận lại Hàng Hóa:
 - (i) Bên B cử nhân viên mang theo giấy giới thiệu và CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản photo và bản chính để đối chiếu) của nhân viên;
 - (ii) Đại diện có thẩm quyền của Các Bên thực hiện kiểm tra và ký biên bản trả hàng;
 - (iii) Giá trị Hàng Hóa bị trả lại sẽ được cản trừ công nợ giữa Các Bên. Nếu khoản tiền mà Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B không đủ để cản trừ thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán khoản chênh lệch cho Bên A trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên B nhận lại Hàng Hóa và biên bản trả hàng hoặc Hóa đơn xuất trả hàng (nếu có).

ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Giá Hàng Hóa là giá thanh toán được thể hiện cụ thể trong từng hóa đơn GTGT và phù hợp với Đơn Đặt Hàng. Khi giá Hàng Hóa có sự thay đổi, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A Bảng giá mới trước **30 ngày** kể từ ngày dự kiến áp dụng để Bên A xem xét. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi trường hợp, Bảng giá Hàng Hóa chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất bằng văn bản giữa các Bên.
- 4.2. Bên B cam kết không tăng giá Hàng Hóa theo Danh Mục Hàng Hóa đã được thống nhất giữa Các Bên vào từng thời điểm.
- 4.3. [*Bảo vệ giá: Khi nhà sản xuất giảm giá Hàng Hóa, Bên B có trách nhiệm thông báo và thực hiện việc giảm giá cho tất cả Hàng Hóa còn tồn thực tế trong kho của Bên B. Giá áp dụng bảo vệ giá được căn cứ vào báo giá tại thời điểm Bên B ra thông báo bảo vệ giá, theo thông lệ thương mại để bảo vệ quyền lợi cho các đại lý khi giá giảm. Để làm rõ, Bên A sẽ cung cấp danh mục Hàng Hóa tồn thực tế và số lượng thực tế trong kho của Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu, Bên B bằng chi phí của mình sẽ hỗ trợ phần tiền chênh lệch giữa giá bán lẻ cũ với giá bán lẻ mới theo số liệu Hàng Hóa tồn được cung cấp từ Bên A*].
- 4.4. Giá trị Hàng Hóa cho mỗi đợt giao hàng được quy định cụ thể tại Đơn Đặt Hàng (“**Giá Trị Hàng Hóa**”). Giá Trị Hàng Hóa được Bên A thực tế thanh toán cho Bên B sẽ căn cứ vào Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa và Giá Trị Hàng Hóa bị trả lại theo Điều 3.11 Hợp Đồng này.
- 4.5. Giá Trị Hàng Hóa là trọn gói và đã bao gồm:
- (a) Giá trị của Hàng Hóa;
 - (b) Thuế giá trị gia tăng 8% hoặc theo quy định hiện hành của Nhà nước;
 - (c) Chi phí nhập khẩu, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, sắp xếp Hàng Hóa đến điểm địa do Bên A chỉ định;
 - (d) Tất cả các loại thuế, chi phí và lệ phí khác để Bên B ký kết và thực hiện Hợp Đồng.
- 4.6. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hóa đơn tài chính trong thời hạn 30 ngày sau khi Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:
- a) *Hóa đơn GTGT hợp lệ do Bên B phát hành (bản chính);*
 - b) *Đơn Đặt Hàng được xác nhận bởi đại diện của Bên A.*
 - c) *Phiếu nhập kho được xác nhận bởi đại diện của Bên A; và*
 - d) *Biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận giữa Các Bên (bản chính, nếu có);*
 - e) *Các tài liệu kèm theo Hàng Hóa (nếu có).*

“Lịch thanh toán vào ngày thứ hai và thứ năm hàng tuần”.

4.7. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền Việt Nam Đồng, hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản như bên dưới:

- Số tài khoản: 1027349624
- Ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank - CN Đông Đồng Nai
- Chủ tài khoản: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thom

Bên B tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán nêu trên. Trong mọi trường hợp, Bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc đăng ký, quản lý và sử dụng tài khoản trên của Bên B.

Trong trường hợp thay đổi thông tin chuyển khoản Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1 Quyền của Bên A

Ngoài các quyền của Bên A được quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật, Bên A có các quyền sau:

- a) Sở hữu và sử dụng Hàng Hóa mà Bên B cung cấp theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật;
- b) Từ chối nhận Hàng Hóa nếu Hàng Hóa không đáp ứng theo Tiêu Chuẩn Hàng Hóa được quy định tại Hợp Đồng, yêu cầu của Bên A và quy định pháp luật;
- c) Khấu trừ toàn bộ các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại cố định, tiền bồi thường thiệt hại thực tế và các khoản tiền khác mà Bên B phải chịu trách nhiệm/phải thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này và nghĩa vụ thanh toán của Bên A đối với Bên B trước khi Bên A tiến hành thanh toán bất kỳ đợt thanh toán nào đến hạn (nếu có) cho Bên B;
- d) Được quyền miễn trừ vô điều kiện và không hủy ngang bởi bất kỳ các khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ bên thứ ba đối với Hàng Hóa hoặc/và do Bên B vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ bên thứ ba nào hoặc vi phạm quy định pháp luật. Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh do những tranh chấp, khiếu nại nêu trên (nếu có);
- e) Yêu cầu Bên B tạm ngừng giao Hàng Hóa mà không có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản chi phí nào khác với điều kiện Bên A đã thông báo cho Bên B biết trước 03 ngày kể từ thời điểm đến hạn giao Hàng Hóa;
- f) Yêu cầu Bên B cung cấp các giấy tờ tài liệu bao gồm nhưng không giới hạn về giấy phép ngành nghề, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng, giấy kiểm định Hàng Hóa và các giấy tờ có liên quan khác theo quy định của pháp luật;
- g) Bất kể các quy định khác tại Hợp Đồng, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản ít nhất trước 30 ngày cho Bên B để Bên B sắp xếp

việc dừng công việc và tối giản hóa phí tổn ngay lập tức khi nhận được thông báo đó của Bên A. Bên A sẽ không đền bù bất kỳ chi phí, phí tổn hoặc chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào cho việc chấm dứt Hợp Đồng theo quy định này. Tuy nhiên, Bên A sẽ vẫn thanh toán cho Bên B các Giá Trị Hàng Hóa mà Bên B đã hoàn thành việc bàn giao cho Bên A, có xác nhận của người đại diện hợp pháp của Bên A tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng;

- h) Trước thời điểm nhận Hàng Hóa, nếu giá bán Hàng Hóa có giảm so với giá của Đơn Đặt Hàng thì Bên A sẽ được áp dụng giá giảm cho Đơn Đặt Hàng đó;
- i) Được quyền quảng cáo và thực hiện chương trình khuyến mại Hàng Hóa theo quyết định và cách thức của Bên A và trong giới hạn mà pháp luật cho phép. Bên A sẽ chịu trách nhiệm thông báo hoặc đăng ký các chương trình khuyến mại mà thuộc trách nhiệm đăng ký/thông báo của Bên A theo quy định của luật pháp Việt Nam.

5.2 Nghĩa vụ của Bên A

Ngoài các nghĩa vụ của Bên A được quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật, Bên A có các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn được quy định tại Hợp Đồng này;
- b) Có nghĩa vụ bảo quản và sử dụng Hàng Hóa theo đúng hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất và/hoặc đề xuất hợp lý của Bên B;
- c) Phối hợp với Bên B để nhận bàn giao Hàng Hóa theo quy định tại Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1 Quyền của Bên B

Ngoài các quyền của Bên B được quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật, Bên B có các quyền sau:

- a) Nhận thanh toán Giá Trị Hàng Hóa theo đúng thời hạn được quy định tại Hợp Đồng này;
- b) Yêu cầu Bên A nhận bàn giao Hàng Hóa theo đúng quy định tại Hợp Đồng;
- c) Không chịu trách nhiệm trong trường hợp Hàng Hóa bị hư hỏng do lỗi bảo quản của Bên A không đúng hướng dẫn hợp lý của Bên B hoặc quy định của nhà sản xuất;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

6.2 Nghĩa vụ của Bên B

Ngoài các nghĩa vụ của Bên B được quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật, Bên B có các nghĩa vụ sau:

- a) Cung cấp đúng và đủ Hàng Hóa theo các quy định tại Hợp Đồng này;

- b) Bàn giao cho Bên A các hóa đơn, chứng từ hợp pháp và các giấy tờ có liên quan đến Hàng Hóa (bản sao có công chứng hoặc bản scan màu), bao gồm nhưng không giới hạn: giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng, giấy kiểm định, chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên A (nếu có);
- c) Chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của Hàng Hóa mà Bên A hoặc đại diện của Bên A đã kiểm tra nếu các khiếm khuyết của Hàng Hóa không thể phát hiện được trong quá trình kiểm tra bằng biện pháp thông thường và/hoặc những khiếm khuyết mà Bên B đã biết hoặc phải biết về các khiếm khuyết đó nhưng không thông báo cho Bên A và/hoặc Bên B cố tình che giấu thông tin, gian lận hoặc có hành vi không trung thực. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ giao bổ sung/thay thế theo quy định tại Điều 3.9 của Hợp Đồng;
- d) Bên B phải bảo đảm/cam kết:
- (i) Quyền sở hữu của Bên A đối với Hàng Hóa được mua từ Bên B không bị tranh chấp bởi bên thứ ba bất kỳ;
 - (ii) Hàng Hóa không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ;
 - (iii) Hàng Hóa mà Bên B cung cấp có nguồn gốc hợp pháp, xuất xứ rõ ràng, cụ thể theo đúng quy định pháp luật;
 - (iv) Miễn trừ vô điều kiện và không hủy ngang bởi bất kỳ các khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ bên thứ ba đối với Hàng Hóa hoặc/và do Bên B vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ bên thứ ba nào hoặc vi phạm quy định pháp luật. Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh do những tranh chấp, khiếu nại nêu trên (nếu có);
 - (v) Có đầy đủ các giấy phép/giấy chứng nhận và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của pháp luật để thực hiện Hợp Đồng này;
 - (vi) Việc mua bán Hàng Hóa là hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật
- e) Chịu trách nhiệm giải thích, xin lỗi công khai, bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác trong trường hợp Hàng Hóa do Bên B cung cấp là hàng giả, không nguồn gốc hợp pháp, xuất xứ rõ ràng hoặc là nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm cho nhân viên/đối tác/khách hàng và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác sử dụng Hàng Hóa ("**Bên Thứ Ba**"). Trong trường hợp Bên A đã đại diện Bên B để chi trả các khoản thiệt hại phát sinh cho Bên Thứ Ba thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán lại cho Bên A khoản tiền này và các khoản thiệt hại khác mà Bên B có nghĩa vụ phải bồi thường cho Bên A;
- f) Thông báo kịp thời cho Bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp Đồng;

- g) Giải trình và chịu trách nhiệm pháp lý trước Bên A, bên thứ ba và cơ quan nhà nước về Hàng Hóa Bên B bàn giao cho Bên A theo Hợp Đồng này. Cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện/nhân sự có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các vấn đề còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới khi chấm dứt Hợp Đồng;
- h) Cung cấp vật dụng/xe chuyên dụng và các công cụ cần thiết khác phù hợp với việc vận chuyển Hàng Hóa theo đúng quy định của pháp luật và tính chất đặc thù của Hàng Hóa;
- i) Không được chuyển nhượng/chuyển giao Hợp Đồng này cho bên thứ ba bất kỳ khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRỰC

1. Cho mục đích của Điều khoản này, các bên thống nhất rằng:
 - (a) **Bên Có Liên Quan Của Bên A** bao gồm: (i) công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên, công ty liên kết, nhà thầu/nhà tư vấn/đối tác của Bên A; (ii) người đại diện, người quản lý, người lao động, người làm việc của Bên A hoặc của các chủ thể nêu tại mục (i) điểm này; và/hoặc (iii) bất kỳ bên thứ ba nào khác liên quan đến Bên A hoặc các chủ thể nêu tại mục (i) hoặc (ii) điểm này.
 - (b) **Bên Có Liên Quan Của Bên B** bao gồm: (i) công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên, công ty liên kết, nhà thầu/nhà tư vấn/đối tác của Bên B; (ii) người đại diện, người quản lý, người lao động, người làm việc của Bên B hoặc các chủ thể nêu tại mục (i) điểm này; và/hoặc (iii) bất kỳ bên thứ ba nào khác có liên quan đến Bên B hoặc các chủ thể nêu tại mục (i) hoặc (ii) điểm này.
2. Bên B cam kết và bảo đảm rằng Bên B và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên B trong quá trình đấu thầu, đàm phán, làm việc, ký kết và thực hiện bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào với Bên A và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên A dù trực tiếp hay gián tiếp, không thực hiện bất kỳ các hành vi nào sau đây ("**Hành Vi Vi Phạm Chính Trực**"):
 - (a) chi tiền hoa hồng; thưởng/hứa thưởng; hứa hẹn/thực hiện tặng quà, vật có giá trị, tiền, lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào và vì bất kỳ lý do nào;
 - (b) đề xuất, gợi ý, thông đồng, ép buộc, đe dọa nhằm hưởng bất kỳ quyền ưu tiên, và/hoặc lợi ích nào; và/hoặc làm cho Bên Có Liên Quan Của Bên A không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc trái với phạm vi công việc và/hoặc chức năng chuyên môn;
 - (c) cung cấp thông tin sai lệch, lừa dối, giả mạo, gian lận.
3. Bên B có nghĩa vụ thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của Bên A mọi hành vi, biểu hiện, dấu hiệu không chính trực của Bên Có Liên Quan Của Bên A.
4. Để làm rõ, Bên A có thể dùng các hình thức bao gồm nhưng không giới hạn sau: bản ghi âm, ghi hình; hình chụp tin nhắn qua các ứng dụng, thư điện tử; hoặc bất kỳ hình thức nào khác để chứng minh Hành Vi Vi Phạm Chính Trực của Bên B hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên B.

5. Nếu Bên B và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên B có Hành Vi Vi Phạm Chính Trực, Bên A có quyền tại bất kỳ thời điểm nào, thực hiện và/hoặc áp dụng một, một số hoặc tất cả các hành động, chế tài sau đây:
- (a) hủy quyết định giao thầu đã trao cho Bên B cùng tất cả các phê duyệt, chấp thuận và các tài liệu khác mà Bên A đã phát hành liên quan đến việc chọn thầu; và/hoặc chấm dứt ngay lập tức Hợp Đồng mà không bị phạt vi phạm và/hoặc phải bồi thường cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào;
 - (b) không cho phép Bên B tiếp tục tham gia đấu thầu các gói thầu của Bên A hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên A (nếu có);
 - (c) áp dụng một khoản phạt đối với Bên B cho mỗi Hành Vi Vi Phạm Chính Trực tương ứng với các trường hợp như sau:
 - (i) Trường hợp giá trị Hợp Đồng đến 01 (một) tỷ đồng: 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng); hoặc
 - (ii) Trường hợp giá trị Hợp Đồng trên 01 (một) tỷ đồng: 10% (mười phần trăm) giá trị Hợp Đồng (không bao gồm thuế GTGT);đồng thời yêu cầu Bên B bồi thường cho Bên A bất kỳ và toàn bộ các thiệt hại phát sinh từ việc hủy quyết định chọn thầu và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng do Hành Vi Vi Phạm Chính Trực.
 - (d) yêu cầu Bên B hoàn trả cho Bên A bất kỳ khoản đặt cọc, thanh toán trước và/hoặc tạm ứng mà Bên A đã thực hiện theo Hợp Đồng hoặc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có). Đồng thời, Bên A có quyền không thanh toán các giá trị khối lượng hàng hóa đã được cung cấp bởi Bên B theo Hợp Đồng. Bất kể có quy định trái ngược tại Hợp Đồng, quy định này vẫn được ưu tiên áp dụng.
 - (e) Bên A hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên A được quyền chấm dứt việc ký kết hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch/hợp đồng nào khác giữa Bên A /Bên Có Liên Quan Của Bên A với Bên B/ Bên Có Liên Quan Của Bên B. Bên B và/hoặc Bên Có Liên Quan của Bên B cùng đồng ý rằng Bên A và Bên Có Liên Quan Của Bên A sẽ được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên B trong trường hợp chấm dứt theo quy định này.
 - (f) tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của Hành Vi Vi Phạm Chính Trực, Bên A có thể chuyển vụ việc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Để làm rõ, việc chuyển vụ việc liên quan đến Hành Vi Vi Phạm Chính Trực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không làm thay đổi, điều chỉnh hoặc mất hiệu lực các chế tài mà Bên B và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên B phải gánh chịu do Hành Vi Vi Phạm Chính Trực quy định từ điểm (a) đến điểm (e) của Khoản 5 này.
6. Bên B hiểu và thừa nhận rằng các chế tài quy định tại Điều này chỉ áp dụng đối với Bên B, Bên Có Liên Quan Của Bên B khi có Hành Vi Vi Phạm Chính Trực. Theo đó, Bên A và Bên Có Liên Quan Của Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến Hành Vi Vi Phạm Chính Trực.

ĐIỀU 8. BẢO LÃNH

- 8.1. Tùy vào thỏa thuận giữa Bên A và Bên B trong Hợp Đồng này và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng cụ thể, Bên [A hoặc B] có nghĩa vụ cung cấp cho Bên [B hoặc A] một số hoặc

toàn bộ các bảo lãnh sau:

- (a) Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng [*PBCM điền con số phù hợp*]% Giá Trị Đơn Đặt Hàng (bao gồm thuế GTGT)
- (b) Bảo Lãnh Tạm Ứng [*có áp dụng thì đưa mức áp dụng, thời hạn hiệu lực cụ thể*];
- (c) Bảo Lãnh Bảo Hành [*có áp dụng thì đưa mức áp dụng, thời hạn hiệu lực cụ thể*].

8.2. Bên [A hoặc B] cam kết, bằng chi phí của mình, mở các loại bảo lãnh theo mẫu của Bên A phát hành hoặc mẫu khác được Bên A chấp thuận và gia hạn các bảo lãnh này theo quy định cụ thể tại từng Đơn Đặt Hàng cụ thể.

ĐIỀU 8A. ĐỘC QUYỀN

1. Bên B sau đây cam kết cung cấp độc quyền cho Bên A các Hàng Hóa theo danh sách Hàng Hóa được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Hợp Đồng này và Bên A chỉ được bán lại/phân phối các Hàng Hóa độc quyền này trong phạm vi khu vực theo khoản 2 Điều này (“Khu Vực Độc Quyền”).
2. Nhằm tránh hiểu nhầm, các Bên xác nhận và đồng ý rằng, việc Bên B cung cấp độc quyền Hàng Hóa cho Bên A sẽ không hạn chế quyền của Bên A được bán lại/phân phối Hàng Hóa này tại các cơ sở kinh doanh của Bên A hoặc tại các cơ sở kinh doanh, các chuỗi phân phối do Bên A hợp tác, phát triển trong Khu Vực Độc Quyền.
3. Danh mục Hàng Hóa độc quyền quy định tại Phụ lục 2 của Hợp Đồng này có thể được điều chỉnh, sửa đổi theo sự thỏa thuận của Các Bên. Việc điều chỉnh, sửa đổi danh mục Hàng Hóa độc quyền phải được lập thành văn bản và sẽ có giá trị ràng buộc Các Bên trong vòng 7 ngày kể từ ngày có sự điều chỉnh, sửa đổi đó.

ĐIỀU 9. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 9.1. Hợp Đồng có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ ngày được ký kết.
- 9.2. Hợp Đồng có thể chấm dứt trước thời hạn theo một trong các trường hợp sau:
 - (a) Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên;
 - (b) Do Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều ĐIỀU 12 của Hợp Đồng;
 - (c) Khi một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do có hành vi vi phạm của một Bên theo quy định tại Điều ĐIỀU 11 Hợp Đồng này;
 - (d) Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 5.1(g) Hợp Đồng này.
- 9.3. Trong trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định tại Điều 9.2(a), Điều 9.2(b) và 9.2(d) của Hợp Đồng này, Các Bên sẽ lập văn bản quyết toán Giá Trị Hàng Hóa mà mỗi Bên có nghĩa vụ thanh toán cho Bên còn lại theo quy định tại Hợp Đồng này (“**Văn Bản Quyết Toán**”).

Theo đó, mỗi Bên có nghĩa vụ thanh toán cho Bên còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Văn Bản Quyết Toán. Sau khi mỗi Bên hoàn tất nghĩa vụ thanh toán (nếu có) nêu tại Văn Bản Quyết Toán, Các Bên sẽ ký kết biên bản thanh lý và chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp, một trong Các Bên không hợp tác để ký kết biên bản thanh lý thì Hợp Đồng sẽ tự động thanh lý khi một Bên chứng minh được đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và Bên còn lại sẽ từ bỏ quyền khiếu nại liên quan đến việc quyết toán Hợp Đồng khi quá 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn sau cùng thực hiện nghĩa vụ của một Bên nhưng Bên đó không hợp tác ký kết Biên bản thanh lý Hợp Đồng.

ĐIỀU 10. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

- 10.1. Hợp Đồng này được ký kết bởi người đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên.
- 10.2. Mỗi Bên đã hoặc sẽ đạt được các chấp thuận hoặc giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nếu pháp luật có yêu cầu, các chấp thuận nội bộ cần thiết và có đầy đủ năng lực để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.
- 10.3. Việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này không vi phạm bất kỳ quy định của pháp luật và Hợp Đồng, thỏa thuận hoặc cam kết nào khác của mỗi Bên với bên thứ ba bất kỳ.
- 10.4. Mỗi Bên sẽ hỗ trợ Bên kia trên tinh thần thiện chí và với nỗ lực tối đa vì mục đích của việc thực hiện Hợp Đồng này.

ĐIỀU 11. VI PHẠM HỢP ĐỒNG

11.1. Hành vi vi phạm của Bên A

Nếu Bên A chậm hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo quy định tại Hợp Đồng không do lỗi của Bên B hoặc Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên A có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi có kỳ hạn cao nhất dành cho khách hàng doanh nghiệp áp dụng cho đồng Việt Nam của biểu lãi suất do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn trên tổng số tiền chậm thanh toán (nhưng tổng số tiền lãi chậm thanh toán tối đa không quá 08% (tám phần trăm) số tiền chậm thanh toán).

11.2. Hành vi vi phạm của Bên B

- a) Nếu thời gian giao Hàng Hóa cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này chậm trễ so với tiến độ giao Hàng Hóa (bao gồm cả trường hợp trễ hạn do Bên A từ chối nhận Hàng Hóa không đúng quy định của Hợp Đồng) thì Bên B phải chịu phạt một khoản tiền với lãi suất bằng 7% giá trị Hàng Hóa bị giao chậm trễ cho mỗi ngày trễ hạn (nhưng không quá 8% Giá Trị Hàng Hóa bị vi phạm). Ngoài ra, Bên B sẽ bồi thường cho Bên A toàn bộ các thiệt hại, chi phí thực tế phát sinh từ việc giao Hàng Hóa chậm trễ ("**Khoản Phái Trả Của Bên B**")

Trong trường hợp việc bàn giao Hàng Hóa của Bên B chậm quá 7 ngày kể từ ngày đến hạn bàn giao Hàng Hóa theo các quy định tại Hợp Đồng này, Bên A có quyền hủy Đơn Đặt Hàng bị giao chậm bằng văn bản thông báo cho Bên B mà không phải

chịu bất kỳ nghĩa vụ bồi thường nào đối với Bên B. Theo đó, Bên B có nghĩa vụ thanh toán, bồi hoàn đầy đủ Khoản Phải Trả Của Bên B và bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên A.

- b) Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 11.2(a) của Hợp Đồng này, trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ/cam kết nào được quy định tại Hợp Đồng này mà không hoàn thành khắc phục việc vi phạm đó trong thời hạn 30 ngày theo yêu cầu của Bên A hoặc một thời hạn khác được Bên A chấp thuận, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng thông qua việc gửi thông báo văn bản cho Bên B, theo đó Bên A có quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức xử lý như sau:
- (i) Bên B chịu phạt vi phạm Hợp Đồng với số tiền bằng 8% phần giá trị nghĩa vụ bị vi phạm;
 - (ii) Bên B phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại, chi phí thực tế phát sinh cho Bên A;
 - (iii) Bên A có quyền yêu cầu Bên B hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ khoản tiền đặt cọc/tiền thanh toán đã nhận còn dư (nếu có) so với giá trị Hàng Hóa đã được Bên B bàn giao cho Bên A trước ngày Bên A phát yêu cầu đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.
- c) Nếu vượt quá thời hạn quy định mà Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả theo quy định tại Điều 11.2(a) và Điều 11.2(b), Bên A có quyền tính lãi tương ứng với số tiền chậm hoàn trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi có kỳ hạn cao nhất dành cho khách hàng doanh nghiệp áp dụng cho đồng Việt Nam của biểu lãi suất do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn trên tổng số tiền chậm thanh toán (nhưng tổng số tiền lãi chậm thanh toán tối đa không quá 08% (tám phần trăm) số tiền chậm thanh toán).
- d) Các Điểm a, b được nêu trong Điều 11.2 này phải có xác nhận bằng văn bản, chứng minh do lỗi của Bên A.

11.3. Bất kỳ khoản phạt, bồi thường, hoàn trả các khoản tiền đã tạm ứng hoặc thanh toán (nếu có) của một Bên đối với Bên còn lại phải được hoàn tất trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Bên có nghĩa vụ thanh toán nhận được thông báo của Bên còn lại theo quy định tại Điều ĐIỀU 13 của Hợp Đồng.

ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát của một (các) Bên và ngăn cản một (các) Bên thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn: chiến tranh, thiên tai, bạo động, hỏa hoạn, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp hoặc các sự kiện khác theo lệnh cấm hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm bất kỳ

thỏa thuận nào của một Bên với bên thứ ba (gọi chung là “**Sự Kiện Bất Khả Kháng**”). Sự thiếu hụt về tài chính, lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm ngừng/ngừng kinh doanh, giải thể hay phá sản doanh nghiệp không được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng.

12.2. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng phải có nghĩa vụ:

- (a) tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa các ảnh hưởng do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra; và
- (b) thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi Bên đó biết được tình trạng về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở do Sự Kiện Bất Khả Kháng.

12.3. Sau khi đã thông báo, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ được tạm ngừng thực hiện đối với (các) nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng trong thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng minh việc bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.

12.4. Trong trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 60 ngày kể từ ngày có thông báo, một Bên sẽ có quyền chấm dứt Hợp Đồng này sau khi đã thông báo cho Bên kia biết trước bằng văn bản ít nhất 07 (bảy) ngày. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho nhau đối với (các) nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng quy định tại các điều khoản thuộc Điều này, theo đó, không Bên nào phải chịu phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại do chấm dứt Hợp Đồng sau khi đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định về Sự Kiện Bất khả Kháng được quy định tại Điều này. Đồng thời, Các Bên thống nhất giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa Các Bên theo quy định tại Điều 9.3 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 13. GIAO NHẬN THÔNG TIN

13.1. Mọi thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch mà một Bên gửi cho Bên còn lại theo Hợp Đồng này và/hoặc để thảo luận các nội dung liên quan đến Hợp Đồng (“**Thông Báo**”) phải được lập thành văn bản và gửi đến Bên còn lại như địa chỉ liên hệ và/hoặc địa chỉ thư điện tử (email) đã nêu ở phần đầu Hợp Đồng hoặc tại văn bản thông báo của mỗi Bên (“**Địa Chỉ Liên Lạc**”).

13.2. Mỗi Bên phải thông báo ngay cho Bên còn lại sự thay đổi Địa Chỉ Liên Lạc (nếu có) để được loại trừ lỗi trong trường hợp không nhận được Thông Báo.

13.3. Mọi Thông Báo mà một Bên gửi cho Bên còn lại theo Địa Chỉ Liên Lạc quy định trong Hợp Đồng này được xem là Bên còn lại nhận được:

- (a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay có ký biên nhận; hoặc

- (b) Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax, email thành công trong trường hợp gửi bằng fax, email; hoặc
- (c) Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm (có hồi báo).

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

14.1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật của nước Việt Nam.

14.2. Giải quyết tranh chấp:

- a) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp Đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các Bên trên tinh thần thiện chí. Trong trường hợp Các Bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên còn lại về tranh chấp, hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận giữa Các Bên, thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo Điều 14.2(c) dưới đây;
- b) Các Bên nhất trí rằng, nếu có bất cứ tranh chấp nào phát sinh theo Điều 14.2(a) trên đây, ngoại trừ nội dung công việc đang tranh chấp, Các Bên trong thời gian chờ giải quyết tranh chấp vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp Đồng.
- c) Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết thông qua hòa giải như quy định tại Điều 14.2(a) nêu trên, các tranh chấp này sẽ được giải quyết bằng Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam Bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (“VIAC”) theo Quy tắc Trọng tài của VIAC. Việc phân xử sẽ được thực hiện ở VIAC tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ngôn ngữ sử dụng trong thủ tục tố tụng là tiếng Việt và Luật áp dụng là Luật Việt Nam.
- d) Trường hợp Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc chấm dứt sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 14.2 này.

14.3. Nếu có điều khoản hoặc quy định nào trong Hợp Đồng bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không có hiệu lực áp dụng thì cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản và/hoặc nội dung còn lại, Các Bên sẽ thỏa thuận để sửa đổi điều khoản hoặc quy định đó cho phù hợp với ý chí Các Bên và quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất. Các Bên sẽ tiếp tục và không làm gián đoạn việc thực hiện các điều khoản, quy định khác vẫn đang có giá trị của Hợp Đồng.

14.4. Việc bất kỳ Bên nào không yêu cầu Bên kia thực hiện một nghĩa vụ tại một thời điểm không được xem là tiếp tục miễn cho Bên kia khỏi thực hiện nghĩa vụ đó về sau. Việc bất kỳ Bên nào chấp nhận bất kỳ khoản thanh toán nào cũng không được xem là Bên đó sẽ từ bỏ quyền tiến hành các biện pháp xử lý theo quy định tại Hợp Đồng đối với bất kỳ vi phạm nào của Bên kia.

14.5. Các Bên cùng cam kết bảo mật về các nội dung hoặc thông tin trong của Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu cấu thành nên Hợp Đồng này, bảo mật về tất cả các thông tin, tài liệu

đã cung cấp và trao đổi qua lại lẫn nhau giữa Các Bên hoặc một Bên có được từ việc thực hiện Hợp Đồng, ngoại trừ việc yêu cầu công bố thông tin của tòa án hoặc các cơ quan Nhà nước. Quy định này có hiệu lực cả khi Hợp Đồng này đã chấm dứt.

14.6. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được sự thống nhất của Các Bên và phải được lập, ký kết dưới hình thức Phụ lục sửa đổi, bổ sung.

14.7. Hợp Đồng này được lập bằng tiếng Việt thành 04 bản gốc có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ 02 bản gốc làm cơ sở thực hiện Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



VÕ THỊ THIÊN NGÀ

Anh Hồ

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẶNG XUÂN NGỌC



PHỤ LỤC [01] - CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI

(đính kèm Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 202204/NCOM/NHTM/NGOCTHOM/129 ký ngày 12 tháng 04 năm 2022 (“**Hợp Đồng**”))

Phụ lục các thỏa thuận thương mại này (“**Phụ Lục**”) được ký kết ngày 12 tháng 04 năm 2022 (“**Ngày Ký**”) bởi và giữa:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NOVA COMMERCE

Địa chỉ : 65 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 0938485358

Ngân hàng : Vietcombank CN HCM

Tài khoản : 1025468488

Mã số thuế doanh nghiệp : 0317095018

Đại diện bởi : Bà Võ Thị Thiên Nga

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Nova Commerce (“**Nova Commerce**”) và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh của Nova Commerce tại các tỉnh, thành phố do Nova Commerce chỉ định sau đây được gọi chung là “**Bên Mua**”.

VÀ

2. CÔNG TY CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THOM

Địa chỉ : 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 028 6290 6631 – 028 6290 6634 Fax: Click here to enter text.

Ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank - CN Đông Đồng Nai

Tài khoản : 1027349624

Mã số thuế doanh nghiệp : 0309391503

Đại diện bởi : Đặng Xuân Ngọc

Chức vụ : Giám Đốc

Theo Quyết định số 01/2022/QĐ ngày 05/01/2022

Sau đây gọi là “**Nhà Cung Cấp**”

Bên Mua và Nhà Cung Cấp sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” tùy từng trường hợp.

Hạng mục		% Hỗ trợ	Phương thức/ chu kỳ thanh toán
<input checked="" type="checkbox"/>	Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn	5%	Trực tiếp trên hóa đơn
<input type="checkbox"/>	Hỗ trợ khai trương siêu thị mới	10%/PO khai trương	<input type="checkbox"/> Tháng <input type="checkbox"/> Quý <input type="checkbox"/> Năm
<input checked="" type="checkbox"/>	Hỗ trợ bán hàng	1%	<input type="checkbox"/> Tháng <input checked="" type="checkbox"/> Quý <input type="checkbox"/> Năm
<input type="checkbox"/>	Hỗ trợ trưng bày vị trí thứ 2, tủ mát	[..]	<input type="checkbox"/> Tháng <input type="checkbox"/> Quý <input type="checkbox"/> Năm
<input checked="" type="checkbox"/>	Thời gian giao hàng: tính từ ngày nhận PO		3 ngày
<input checked="" type="checkbox"/>	MOQ/MOV	800,000 đ	
<input type="checkbox"/>	Các khoản hỗ trợ khác	[..]	<input type="checkbox"/> Tháng <input type="checkbox"/> Quý <input type="checkbox"/> Năm

2. Quy định về Giá bán Hàng Hóa

Nhà cung cấp đảm bảo giá bán Hàng Hóa cho Nova Commerce theo Hợp Đồng là giá chuẩn, không cao hơn giá mà Nhà Cung Cấp bán/phân phối cho các bên thứ ba khác, bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống siêu thị, cửa hàng.

Bên Mua có quyền không tiếp tục kinh doanh các sản phẩm của Nhà Cung Cấp và chấm dứt Hợp Đồng với Nhà Cung Cấp nếu phát hiện giá bán Hàng Hóa của Nhà Cung Cấp cho Bên Mua cao hơn giá bán cho bên thứ ba, bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống siêu thị, cửa hàng khác.

3. Phương thức thanh toán chiết khấu, thưởng và hỗ trợ

3.1. Giá trị chiết khấu, ưu đãi, thưởng và khoản hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 1 trên đây được tính trên số liệu tổng doanh số mua hàng chưa thuế GTGT(VAT) theo các Đơn Đặt Hàng phát sinh trong kỳ thanh toán của Bên Mua do Bên Mua tổng hợp. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu của Bên Mua và Nhà Cung Cấp, số liệu của Bên Mua sẽ được ưu tiên áp dụng và phần chênh lệch sẽ được Các Bên soát xét và điều chỉnh (nếu có) vào giá trị thanh toán của kỳ tiếp theo.

3.2. Đối với các khoản hỗ trợ mang tính chất dịch vụ (như hỗ trợ quảng cáo, hỗ trợ trưng bày, hỗ trợ in ấn tài liệu quảng cáo, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ kiểm tra chất lượng Hàng Hóa,...) Bên Mua sẽ phát hành hóa

đơn VAT cho Nhà Cung Cấp, và Nhà Cung Cấp sẽ phải thanh toán thêm cho Bên Mua khoản tiền thuế VAT phát sinh trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT.

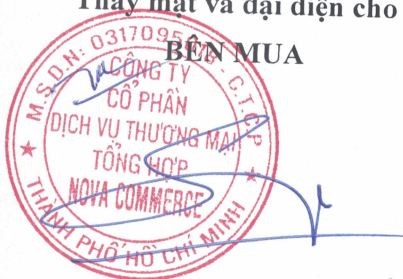
- 3.3. Đối với các khoản chiết khấu, thưởng và hỗ trợ không mang tính chất dịch vụ (như các loại chiết khấu, thưởng thanh toán đúng hạn, hỗ trợ vận chuyển tình, hỗ trợ chi phí tạo mã mới...):
- (a) Bên Mua sẽ đối chiếu với Nhà Cung Cấp, và phát hành giấy ghi nợ (debit note) cho Nhà Cung Cấp theo chu kỳ thanh toán được xác định trong Mục 1 trên đây. Theo đó, Nhà Cung Cấp xuất hóa đơn, cần trừ công nợ dần trên các hóa đơn mua hàng tiếp theo.
 - (b) Dựa vào xác nhận của Hai Bên, theo biên bản bù trừ công nợ hoặc đề nghị thanh toán của Bên Mua gửi cho Nhà Cung Cấp về các khoản hỗ trợ, chiết khấu, các khoản hỗ trợ và chiết khấu sẽ được Bên Mua khấu trừ trong đợt thanh toán tiếp theo cho Nhà Cung Cấp. Vào ngày đến hạn thu tiền của các khoản hỗ trợ và chiết khấu đó nếu không nhận được phản hồi xác nhận của Nhà Cung Cấp, Bên Mua sẽ gửi thông báo cho Nhà Cung Cấp và tự động cần trừ công nợ theo biên bản bù trừ công nợ hoặc đề nghị thanh toán trước đó đã gửi tới Nhà Cung Cấp.
 - (c) Nhà Cung Cấp đồng ý để Bên Mua tiến hành cần trừ các khoản chiết khấu, thưởng, hỗ trợ nói trên vào công nợ phải trả cho Nhà Cung Cấp. Trong trường hợp số dư phải trả cho Nhà Cung Cấp không đủ cho việc cần trừ trên, Nhà Cung Cấp sẽ phải thanh toán cho Bên Mua khoản tiền chênh lệch còn thiếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy ghi nợ (debit note) hoặc hóa đơn VAT

4. Các điều khoản chung

- 3.1. Phụ Lục này có hiệu lực kể từ Ngày Ký và là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 3.2. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp Đồng và Phụ Lục này, các quy định trong Phụ Lục sẽ được ưu tiên áp dụng. Các thuật ngữ viết hoa nếu không được định nghĩa tại Phụ Lục này thì sẽ có nghĩa như được quy định tại Hợp Đồng.
- 3.3. Các nội dung khác của Hợp Đồng không được đề cập đến trong Phụ Lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
- 3.4. Phụ Lục được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

Thay mặt và đại diện cho

BÊN MUA



VÕ THỊ THIÊN NGÀ

Anh Hà

Thay mặt và đại diện cho

NHÀ CUNG CẤP



ĐẶNG XUÂN NGỌC



1. Nhiệt độ sản phẩm lúc nhận hàng

Stt	Loại sản phẩm	Nhiệt độ cho phép khi nhận hàng (°C), đôi với	
		Sản phẩm	Phương tiện vận chuyển
1.	Sản phẩm đông lạnh có yêu cầu bảo quản $\leq (-18^{\circ}\text{C})$	$\leq (-14)^{(1)}$	
2.	Sản phẩm lạnh có yêu cầu bảo quản 1 – 5°C	$(-2) \div 8$	
3.	Sản phẩm lạnh có nhiệt độ bảo quản khác (được ghi trên nhãn)	Sai số nhiệt độ so với ghi nhãn $\leq \pm 3^{\circ}\text{C}$	
4.	Thịt tươi (nội địa)		$\leq 10^{(2)}$
5.	Cá tươi hoặc thủy hải sản chế biến ⁽³⁾	$(-2) \div 8$	
6.	Thực phẩm bảo quản ở nhiệt độ thường/khô ráo thoáng mát		Nhiệt độ thường

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Quy định được áp dụng cho tâm sản phẩm. Trong trường hợp đo nhiệt độ bề mặt sản phẩm, cho phép dung sai giữa nhiệt độ tâm và bề mặt sản phẩm là 5°C.
- ⁽²⁾: Tại một số khu vực, do quãng đường vận chuyển rất ngắn (<30 phút), và Nhà cung cấp cam kết giao hàng nóng (mới giết mổ) nên cho phép nhiệt độ xe $\leq 25^{\circ}\text{C}$.
- ⁽³⁾: sản phẩm có thể được ướp đá trực tiếp.

2. Nhiệt độ bảo quản và trưng bày sản phẩm

Stt	Hạng mục	Nhiệt độ yêu cầu (°C)	Khoảng chấp nhận (°C)	Ghi chú
1.	Kho lạnh và kệ lạnh của rau quả ⁽¹⁾	7 – 10	5 – 15	
2.	Kho đông và tủ đông	$\leq (-18)$	$\leq (-15)$	
3.	Kho lạnh, kệ lạnh – cá và thịt	0 ÷ 2	$(-1) \div 5$	

KIỂM SOÁT NHIỆT ĐỘ TẠI SIÊU THỊ/CỬA HÀNG

4.	Quầy ướp đá – cá	1 – 3	≤ 7	Luôn phủ kín đá ít nhất 2/3 bề mặt sản phẩm
5.	Kho lạnh – bơ sữa và thịt nguội	2 - 4	0 - 6	
6.	Kệ lạnh – bơ sữa và thịt nguội	2 - 4	0 - 6	
7.	Kho lạnh – chế biến (bao gồm bánh)	0 ÷ 2	(-1) ÷ 5	
8.	Kho khô – chế biến (bao gồm bánh)	Nhiệt độ thường, khô ráo, thoáng mát		

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Các sản phẩm rau quả có thể được trưng bày ở điều kiện thường, nhưng sản phẩm không bán hết trong ngày không được mang lại lưu trữ vào kho lạnh để tránh việc hư hỏng do sốc nhiệt.

